

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Trung Tâm

Ngày 03 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Trứng vịt, thịt lợn, rau mùi đảo bông Canh mồng toi nấu ngao Rau bắp cải, cà rốt xào hành lá Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow Mỳ chũ nấu thịt bò, rau ngót, hành lá	Mỳ chũ nấu thịt bò, rau ngót, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	175	22,000	3,850,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	49	22,000	1,078,000	
	TỔNG	224		4,928,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo bắc thơm	17,000	15.70	266,900	2.90	49,300	18.6	316,200
2	Dầu ăn	77,000	1.40	107,800	0.40	30,800	1.8	138,600
3	Nước mắm	76,000	0.25	19,000	0.10	7,600	0.35	26,600
4	Hạt nêm	70,000	0.25	17,500	0.05	3,500	0.3	21,000
5	Hành	35,000	0.20	7,000	0.05	1,750	0.25	8,750
6	Trứng vịt	70,000	6.05	423,500	2.00	140,000	8.05	563,500
7	Thịt lợn	150,000	3.85	577,500	1.05	157,500	4.9	735,000
8	Rau mùi	50,000	0.08	4,000	0.02	1,000	0.10	5,000
9	Bắp cải	16,000	5.30	84,800	1.50	24,000	6.80	108,800
10	Cà rốt	20,000	0.85	17,000	0.25	5,000	1.10	22,000
11	Rau mồng toi	25,000	4.35	108,750	1.25	31,250	5.60	140,000
12	Ngao	25,000	4.35	108,750	1.25	31,250	5.6	140,000
13	Sữa Nuvi lắc trái cây	4,300	175.00	752,500	49.00	210,700	224.00	963,200
14	Hành lá	40,000	0.12	4,800	0.03	1,200	0.15	6,000
15	Mỳ chũ	45,000	3.10	139,500	0.90	40,500	4.00	180,000
16	Thịt bò	285,000	0.85	242,250	0.25	71,250	1.10	313,500
17	Rau ngót	70,000	0.20	14,000	0.05	3,500	0.25	17,500
18	Sữa bột Nuvi Grow	260,000	3.67	954,200	1.03	267,800	4.70	1,222,000
	Cộng tiền			3,849,750		1,077,900		4,927,650

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,928,000
- Số tiền đã chi: 4,927,650
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -350

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Phú Lâm

Ngày 03 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Trứng vịt, thịt lợn, rau mùi đảo bông Canh mồng toi nấu ngao Rau bắp cải, cà rốt xào hành lá Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow Mỳ chũ nấu thịt bò, rau ngót, hành lá	Mỳ chũ nấu thịt bò, rau ngót, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	77	22,000	1,694,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	30	22,000	660,000	
	TỔNG	107		2,354,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo bắc thơm	17,000	6.90	117,300	1.80	30,600	8.7	147,900
2	Dầu ăn	77,000	0.65	50,050	0.25	19,250	0.9	69,300
3	Nước mắm	76,000	0.15	11,400	0.05	3,800	0.2	15,200
4	Hạt nêm	70,000	0.10	7,000	0.05	3,500	0.15	10,500
5	Hành	35,000	0.07	2,450	0.03	1,050	0.1	3,500
6	Trứng vịt	70,000	2.53	177,100	1.17	81,900	3.7	259,000
7	Thịt lợn	150,000	1.70	255,000	0.65	97,500	2.35	352,500
8	Rau mùi	50,000	0.04	2,000	0.01	500	0.05	2,500
9	Bắp cải	16,000	2.30	36,800	0.90	14,400	3.20	51,200
10	Cà rốt	20,000	0.40	8,000	0.15	3,000	0.55	11,000
11	Rau mồng toi	25,000	1.80	45,000	0.75	18,750	2.55	63,750
12	Ngao	25,000	1.90	47,500	0.75	18,750	2.65	66,250
13	Sữa Nuvi lắc trái cây	4,300	77.00	331,100	30.00	129,000	107.00	460,100
14	Hành lá	40,000	0.05	2,000	0.02	800	0.07	2,800
15	Mỳ chũ	45,000	1.40	63,000	0.55	24,750	1.95	87,750
16	Thịt bò	285,000	0.40	114,000	0.15	42,750	0.55	156,750
17	Rau ngót	70,000	0.08	5,600	0.02	1,400	0.10	7,000
18	Sữa bột Nuvi Grow	260,000	1.62	421,200	0.63	163,800	2.25	585,000
	Cộng tiền			1,696,500		655,500		2,352,000

IV. PHÂN QUYẾT AN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 2,354,000
- Số tiền đã chi: 2,352,000
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -2,000

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Hậu Phú

Ngày 03 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Trứng vịt, thịt lợn, rau mùi đảo bông Canh mồng toi nấu ngao Rau bắp cải, cà rốt xào hành lá Sữa Nuvi lắ trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow Mỳ chũ nấu thịt bò, rau ngót, hành lá	Mỳ chũ nấu thịt bò, rau ngót, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	37	22,000	814,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	0	22,000	0	
	TỔNG	37		814,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo bắc thơm	17,000	3.30	56,100			3.3	56,100
2	Dầu ăn	77,000	0.30	23,100			0.3	23,100
3	Nước mắm	76,000	0.05	3,800			0.05	3,800
4	Hạt nêm	70,000	0.05	3,500			0.05	3,500
5	Hành	35,000	0.05	1,750			0.05	1,750
6	Trứng vịt	70,000	1.10	77,000			1.1	77,000
7	Thịt lợn	150,000	0.80	120,000			0.8	120,000
8	Rau mùi	50,000	0.02	1,000			0.02	1,000
9	Bắp cải	16,000	1.10	17,600			1.10	17,600
10	Cà rốt	20,000	0.20	4,000			0.20	4,000
11	Rau mồng toi	25,000	0.90	22,500			0.90	22,500
12	Ngao	25,000	0.90	22,500			0.9	22,500
13	Sữa Nuvi lắ trái cây	4,300	37.00	159,100			37.00	159,100
14	Hành lá	40,000	0.02	800			0.02	800
15	Mỳ chũ	45,000	0.70	31,500			0.70	31,500
16	Thịt bò	285,000	0.20	57,000			0.20	57,000
17	Rau ngót	70,000	0.05	3,500				
18	Sữa bột Nuvi Grow	260,000	0.80	208,000			0.80	208,000
	Cộng tiền			812,750		0		809,250

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 814,000
- Số tiền đã chi: 812,750
- Số tiền còn thừa: 1,250
- Số tiền còn thiếu:

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Nam Quang

Ngày 03 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Trứng vịt, thịt lợn, rau mùi đảo bông Canh mồng toi nấu ngao Rau bắp cải, cà rốt xào hành lá Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow Mỳ chũ nấu thịt bò, rau ngót, hành lá	Mỳ chũ nấu thịt bò, rau ngót, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	97	22,000	2,134,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	30	22,000	660,000	
	TỔNG	127		2,794,000	

III. PHẦN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo bắc thơm	17,000	8.70	147,900	1.80	30,600	10.5	178,500
2	Dầu ăn	77,000	0.80	61,600	0.25	19,250	1.05	80,850
3	Nước mắm	76,000	0.15	11,400	0.05	3,800	0.2	15,200
4	Hạt nêm	70,000	0.15	10,500	0.05	3,500	0.2	14,000
5	Hành	35,000	0.10	3,500	0.05	1,750	0.15	5,250
6	Trứng vịt	70,000	3.20	224,000	1.25	87,500	4.45	311,500
7	Thịt lợn	150,000	2.15	322,500	0.65	97,500	2.8	420,000
8	Rau mùi	50,000	0.07	3,500	0.03	1,500	0.10	5,000
9	Bắp cải	16,000	2.90	46,400	0.90	14,400	3.80	60,800
10	Cà rốt	20,000	0.45	9,000	0.15	3,000	0.60	12,000
11	Rau mồng toi	25,000	2.40	60,000	0.70	17,500	3.10	77,500
12	Ngao	25,000	2.40	60,000	0.70	17,500	3.1	77,500
13	Sữa Nuvi lắc trái cây	4,300	97.00	417,100	30.00	129,000	127.00	546,100
14	Hành lá	40,000	0.07	2,800	0.03	1,200	0.10	4,000
15	Mỳ chũ	45,000	1.75	78,750	0.55	24,750	2.30	103,500
16	Thịt bò	285,000	0.50	142,500	0.15	42,750	0.65	185,250
17	Rau ngót	70,000	0.12	8,400	0.03	2,100	0.15	10,500
18	Sữa bột Nuvi Grow	260,000	2.03	527,800	0.62	161,200	2.65	689,000
	Cộng tiền			2,137,650		658,800		2,796,450

IV. PHẦN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 2,794,000
- Số tiền đã chi: 2,796,450

- Số tiền còn thừa:

- Số tiền còn thiếu:

2,450